

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 68/2023/DS-PT

Ngày: 28-02-2023

V/v tranh chấp hợp đồng góp hội

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Trọng Nhân

Các Thẩm phán: Bà Huỳnh Thị Hồng Vân;

Ông Đặng Văn Những.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Đan Thanh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Cẩm Chi - Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 02 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 475/2022/TLPT-DS ngày 10 tháng 11 năm 2022 về việc “tranh chấp hợp đồng góp hội”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 85/2022/DS-ST ngày 19 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 495/2022/QĐ-PT ngày 21 tháng 11 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Bùi Thanh T, sinh năm 1988. Địa chỉ: Số 337/8, ấp Th, xã Th, huyện Ch, tỉnh Long An (Có mặt).

- *Bị đơn:* Bà Võ Thụy Kim Th, sinh năm 1987. Địa chỉ: Số 703/8, ấp Th, xã Th, huyện Ch, tỉnh Long An (Vắng mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Trần Quý Ph, sinh năm 1983. Địa chỉ: Số 703/8, ấp Th, xã Th, huyện Ch, tỉnh Long An (Vắng mặt).

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của ông Phúc:

1. Ông Bùi Duy Th, sinh năm: 1978 (Có đơn xin vắng mặt).

2. Ông Lê Văn Ph, sinh năm: 1975 (Có đơn xin vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Số 62, Ngô Quyền, phường 7, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh (theo văn bản ủy quyền ngày 08/8/2022).

- Người kháng cáo: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Quý Ph;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và những lời khai trong quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn bà Bùi Thanh T trình bày:

Bà có tham gia chơi hội do bà Võ Thụy Kim Th làm chủ hội, các dây hội cụ thể như sau:

Dây hội thứ 1: Hội 10.000.000 đồng/tháng, khai ngày 14/10/2021 (âm lịch), hội có 15 hội viên, bà tham gia một phần, bà đóng được 08 kỳ với số tiền là 52.790.000 đồng.

Dây hội thứ 2: Hội 10.000.000 đồng/tháng, khai ngày 29/02/2022 (âm lịch), hội có 12 hội viên, bà tham gia một phần, bà đóng được 03 kỳ với số tiền là 20.875.000 đồng.

Quá trình chơi hội bà đã đóng tiền cho bà Th hai dây hội trên với tổng số tiền là 73.665.000 đồng, đến ngày 16/6/2022 bà Th tuyên bố vỡ hội. Do bà Th tổ chức chơi hội có hoa hồng, mỗi khi các hội viên hót hội đều trả cho bà Thoa số tiền hoa hồng là 3.000.000 đồng, việc tổ chức chơi hội của bà Th là có thu thập để trang trải cuộc sống gia đình. Vì vậy bà yêu cầu bà Th cùng chồng là ông Trần Quý Ph phải liên đới thanh toán cho bà số tiền vốn hội còn nợ là 73.665.000 đồng, không yêu cầu tính lãi, trả một lần số tiền nợ khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn bà Võ Thụy Kim Th trình bày: Bà thống nhất với lời trình bày của bà Bùi Thanh T, bà có tổ chức cho bà T tham gia hai dây hội như bà T trình bày, đây là hội có hoa hồng ai hót hội thì trả cho bà tiền hoa hồng tùy theo số lượng hội viên và số tiền hội mà các bên tham gia. Quá trình tổ chức hội, do bà phải choàng hội cho các hội viên khác nên mất khả năng thanh toán, bà đã tuyên bố vỡ hội và hiện còn nợ bà Bùi Thanh T số tiền là 73.665.000 đồng.

Việc bà tổ chức cho các hội viên tham gia chơi hội ông Ph không biết nên đây là nợ riêng của bà, không liên quan đến ông Ph. Trường hợp bà T đồng ý chỉ yêu cầu bà trả nợ, không yêu cầu ông Ph thì bà đồng ý trả cho bà T trong thời hạn 03 tháng sẽ thanh toán hoàn tất.

Ông Bùi Duy Th là người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của ông Ph trình bày: Mặc dù ông Ph và bà Th là vợ chồng nhưng việc góp hội giữa bà Th và nguyên đơn thì ông Ph hoàn toàn không biết, việc góp hội là việc cá nhân của bà Th không nhằm mục đích phục vụ sinh hoạt chung trong gia đình, không tạo bất kỳ tài sản nào trong thời gian bà Th chơi hội. Khi vỡ hội, các hội viên tìm đến nhà, ông Ph mới biết sự việc. Vì vậy, bà Th phải tự chịu trách nhiệm, ông Ph không chịu trách nhiệm liên đới cùng bà Th trả nợ cho nguyên đơn.

Bà Huỳnh Thị Ngọc S là người làm chứng trình bày: Bà Võ Thụy Kim Th và ông Trần Quý Ph là vợ chồng đã tổ chức chơi hội từ nhiều năm nay ở xã Thanh

Phú Long, huyện Châu Thành. Ông Ph có trực tiếp thu tiền của các hội viên góp hội và cùng bà Thoa đi giao tiền hốt hội cho các hội viên.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 85/2022/DS-ST ngày 19 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành đã tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện tranh chấp hợp đồng góp hội của bà Bùi Thanh T đối với bà Võ Thụy Kim Th và ông Trần Quý Ph.

Buộc bà Võ Thụy Kim Th và ông Trần Quý Ph phải liên đới thanh toán cho bà Bùi Thanh Tuyền số tiền vốn hội còn nợ là 73.665.000 (*Bảy mươi ba triệu sáu trăm sáu mươi lăm nghìn*) đồng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí: Bà Võ Thụy Kim Th và ông Trần Quý Ph phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền 3.683.250 đồng.

Bà Bùi Thanh T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, bà Tuyền được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.840.000 đồng, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0007970 ngày 18 tháng 7 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo và hướng dẫn thi hành án.

Ngày 03/10/2022, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Quý Ph kháng cáo bản án sơ thẩm yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc ông Trần Quý Ph phải liên đới trả tiền cùng với bị đơn bà Võ Thụy Kim Th.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Đại diện người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Quý Ph, ông Lê Văn Ph, ông Bùi Duy Th có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa phúc thẩm, tại đơn trình bày ý kiến ngày 16/02/2023, trình bày: Ông Ph và bà Th là vợ chồng, tuy nhiên ông Ph thường xuyên đi làm xa, ít khi ở nhà nên hoàn toàn không biết việc bà Th góp hội với nhiều người. Ngoài ra, công việc ông Ph có thu nhập khá, kinh tế gia đình ổn định, vậy nên chi phí sinh hoạt trong gia đình hoàn toàn không có sự đóng góp từ bà Th. Từ khi kết hôn, ông Ph, bà Th chỉ có tài sản chung là căn nhà do cha mẹ cho, ngoài ra không có tài sản chung nào có giá trị. Như vậy, việc bà Th chơi hội không tạo ra bất kỳ tài sản chung nào cho gia đình. Khi vụ việc bề hội mọi người tìm đến nhà đòi thì ông Ph mới biết. Từ các ý kiến nêu trên và căn cứ các Điều 30, 37 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Trần Quý Ph.

- Nguyên đơn bà Bùi Thanh T trình bày: Trong quá trình bà tham gia chơi hội cùng bà Th, ông Phúc nhiều lần thu tiền hội từ bà và các hội viên khác nên việc ông Ph nói không biết việc bà Th tổ chức chơi hội là không có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của bà.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Kháng cáo của ông Ph đúng quy định của pháp luật nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm. Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng những quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng pháp luật.

Về nội dung vụ án: Thấy rằng, bà Võ Thụy Kim Th và ông Ph là vợ chồng có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật, việc bà Th tổ chức chơi hội là trong thời kỳ hôn nhân và diễn ra trong thời gian dài. Theo xác nhận của các hội viên cùng tham gia chơi hội thì ông Ph có tham gia thu tiền hội của các hội viên. Ông Ph cho rằng bà Th sử dụng tiền hội cho mục đích cá nhân là không có cơ sở, vì trong thời gian này bà Th và ông Ph sống chung với nhau và vẫn làm ăn chung, việc bà Th tổ chức chơi hội là nhằm phát triển kinh tế, đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình nên ông Ph phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà T số tiền hội 73.665.000 đồng là phù hợp. Ông Bùi Duy Th là người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Quý Ph kháng cáo không đồng ý liên đới cùng bà Võ Thụy Kim Th trả nợ hội là không có cơ sở. Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Quý Ph đúng quy định của pháp luật nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Bị đơn bà Võ Thụy Kim Th đã được triệu tập hợp lệ lần hai nhưng vắng mặt. Căn cứ Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đương sự.

[2] Xét kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Quý Phúc:

Xét, tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn bà Bùi Thanh T yêu cầu bị đơn bà Võ Thụy Kim Th và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Quý Ph liên đới trả số tiền hội còn nợ là 73.665.000 đồng. Bị đơn bà Võ Thụy Kim Th thừa nhận bà có tổ chức chơi hội và hiện tại còn nợ bà T số tiền hội là 73.665.000 đồng, bà đồng ý trả bà T số tiền hội còn nợ nêu trên. Bà Th cho rằng, việc bà tổ chức cho các hội viên tham gia chơi hội ông Ph không biết nên đây là nợ riêng của bà, không liên quan đến ông Ph. Đồng thời, người đại diện theo ủy quyền của ông Ph trình bày việc góp hội là việc cá nhân của bà Th không nhằm mục đích phục vụ sinh hoạt chung trong gia đình, không tạo bất kỳ tài sản nào trong thời

gian bà Th chơi hội nên bà Th phải tự chịu trách nhiệm, ông Ph không chịu trách nhiệm liên đới cùng bà Th trả nợ cho nguyên đơn.

Thấy rằng, việc bà Th tổ chức chơi hội cho các hội viên trong đó có bà T được thực hiện trong thời kỳ bà Th và ông Ph vẫn là quan hệ vợ chồng hợp pháp. Ông Ph cho rằng bà Th tổ chức chơi hội là việc cá nhân của bà Th, bà Th không sử dụng số tiền trên đáp ứng nhu cầu sinh hoạt thiết yếu của gia đình và cũng không tạo bất kỳ tài sản nào trong thời gian bà Th tổ chức chơi hội nhưng ông Ph không có chứng cứ chứng minh. Hơn nữa, ông Ph cũng không chứng minh giữa ông và bà Th có thỏa thuận việc thu chi trong gia đình nên trường hợp nợ của bà Th vẫn phát sinh nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết buộc bà Th và ông Ph phải liên đới trả cho bà T số tiền còn nợ là 73.665.000 đồng là có căn cứ. Ông Ph kháng cáo nhưng không cung cấp được, tài liệu chứng cứ mới nên không có cơ sở xem xét.

[3] Từ những nhận định trên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của ông Trần Quý Ph. Quan điểm phát biểu của vị đại diện Viện kiểm sát phù hợp nên được chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Trần Quý Ph phải chịu án phí dân sự phúc thẩm do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Quý Phúc;

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 85/2022/DS-ST ngày 19 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Long An.

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ các Điều 288, 357, 468 và 471 Bộ luật dân sự năm 2015; Căn cứ các Điều 27, 30, 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện tranh chấp hợp đồng góp hội của bà Bùi Thanh T đối với bà Võ Thụy Kim Th và ông Trần Quý Ph.

Buộc bà Võ Thụy Kim Th và ông Trần Quý Ph phải liên đới thanh toán cho bà Bùi Thanh T số tiền vốn hụi còn nợ là 73.665.000 (*Bảy mươi ba triệu sáu trăm sáu mươi lăm nghìn*) đồng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí: Bà Võ Thụy Kim Th và ông Trần Quý Ph phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền 3.683.250 đồng.

Bà Bùi Thanh T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, bà T được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.840.000 đồng, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0007970 ngày 18 tháng 7 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Trần Quý Ph phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm nhưng được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0008095 ngày 11/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành. Ông Ph đã nộp xong.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TANDCC tại Tp.HCM;
- VKSND tỉnh Long An;
- TAND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

Trần Trọng Nhân